

**CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI
MINH PHÚC**

(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI MINH PHÚC
(Thành lập tại nước CHXHCN Việt Nam)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	2
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	3 - 4
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	5
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	6
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	7 - 22

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI MINH PHÚC

Lô A34/I – A35/I Đường số 2D, KCN Vĩnh Lộc, Phường Bình Hưng Hòa B, Quận Bình Tân
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại Minh Phúc (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Trần Anh Tiên	Chủ tịch
Ông Lê Đình Tiên	Thành viên
Ông Tăng Văn Liêm	Thành viên
Ông Nguyễn Thái Bình	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Trần Anh Tiên	Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 27 tháng 01 năm 2015)
Ông Nguyễn Văn Dòng	Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 01 tháng 01 năm 2015)
Ông Tăng Văn Liêm	Phó Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán.
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không.
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,

Trần Anh Tiên
Giám đốc

Ngày 27 tháng 3 năm 2015

Số: /VNIA-HC-BC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại Minh Phúc**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại Minh Phúc (gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 27 tháng 3 năm 2015, từ trang 3 đến trang 22, bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo (gọi chung là “báo cáo tài chính”).

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Võ Thái Hòa

Phó Tổng Giám đốc

Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 0138-2013-001-1

Thay mặt và đại diện cho

Công ty TNHH Deloitte Việt Nam

Ngày 27 tháng 3 năm 2015

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Nguyễn Thị Thu Sang

Kiểm toán viên

Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm
toán số 1144-2013-001-1

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI MINH PHÚC

Lô A34/I – A35/I Đường số 2D, KCN Vĩnh Lộc,

Phường Bình Hưng Hòa B, Quận Bình Tân

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

MẪU SỐ B 01-DN

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014	31/12/2013
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+130+140+150)	100		95.723.539.520	92.568.282.848
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		3.081.593.093	17.337.415.130
1. Tiền	111	5	3.081.593.093	17.337.415.130
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		34.929.447.204	25.223.608.519
1. Phải thu khách hàng	131		16.692.017.113	25.060.035.963
2. Trả trước cho người bán	132		17.925.495.077	-
3. Các khoản phải thu khác	135		311.935.014	416.926.968
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		-	(253.354.412)
III. Hàng tồn kho	140	6	56.327.481.699	48.552.613.707
1. Hàng tồn kho	141		56.890.852.111	49.119.627.839
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(563.370.412)	(567.014.132)
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.385.017.524	1.454.645.492
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		868.268.891	1.378.197.892
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		374.752.133	-
3. Tài sản ngắn hạn khác	158		141.996.500	76.447.600
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=220+250+260)	200		143.909.975.932	74.037.201.995
I. Tài sản cố định	220		139.039.709.359	69.898.290.066
1. Tài sản cố định hữu hình	221	7	51.999.657.438	38.170.726.292
- Nguyên giá	222		116.179.761.707	94.637.340.075
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(64.180.104.269)	(56.466.613.783)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	8	19.213.650.785	23.601.534.287
- Nguyên giá	225		29.842.763.630	32.842.257.726
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(10.629.112.845)	(9.240.723.439)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	9	67.826.401.136	8.126.029.487
II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	10	2.070.737.776	1.000.000.000
1. Đầu tư dài hạn khác	258		2.378.061.520	2.378.061.520
2. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		(307.323.744)	(1.378.061.520)
III. Tài sản dài hạn khác	260		2.799.528.797	3.138.911.929
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		173.749.197	221.842.329
2. Tài sản dài hạn khác	268	11	2.625.779.600	2.917.069.600
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		239.633.515.452	166.605.484.843

Các thuyết minh từ trang 7 đến trang 22 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI MINH PHÚC

Lô A34/I – A35/I Đường số 2D, KCN Vĩnh Lộc,

Phường Bình Hưng Hòa B, Quận Bình Tân

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

MẪU SỐ B 01-DN

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014	31/12/2013
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		141.105.090.368	73.598.092.473
I. Nợ ngắn hạn	310		92.614.255.434	66.588.183.522
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	12	68.695.797.849	50.011.382.661
2. Phải trả người bán	312		17.081.397.452	8.751.808.532
3. Người mua trả tiền trước	313		892.459.318	435.186.850
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	13	872.672.855	2.887.441.126
5. Phải trả người lao động	315		2.216.825.158	2.233.418.170
6. Chi phí phải trả	316		257.363.037	276.324.900
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319		412.958.965	260.317.558
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		2.184.780.800	1.732.303.725
II. Nợ dài hạn	330		48.490.834.934	7.009.908.951
1. Phải trả dài hạn khác	333		417.690.000	417.690.000
2. Vay và nợ dài hạn	334	14	47.897.279.205	6.417.154.840
3. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335	15	175.865.729	175.064.111
B. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410)	400		98.528.425.084	93.007.392.370
I. Vốn cổ đông	410	16	98.528.425.084	93.007.392.370
1. Vốn cổ phần	411		47.577.700.000	47.577.700.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		58.742.388	58.742.388
3. Quỹ đầu tư phát triển	417		5.511.859.397	4.747.392.936
4. Quỹ dự phòng tài chính	418		5.511.859.397	4.747.392.936
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		39.868.263.902	35.876.164.110
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		239.633.515.452	166.605.484.843
CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	Đơn vị		31/12/2014	31/12/2013
1. Ngoại tệ	USD		11.622	29.807
2. Nợ khó đòi đã xử lý	VND		253.354.412	214.499.597

Phạm Thị Thành
Người lập biểu kiêm Kế toán trưởng

Trần Anh Tiến
Giám đốc
Ngày 27 tháng 3 năm 2015

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI MINH PHÚC

Lô A34/I – A35/I Đường số 2D, KCN Vĩnh Lộc,
 Phường Bình Hưng Hòa B, Quận Bình Tân
 Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

MẪU SỐ B 02-DN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	2014	2013
1. Doanh thu bán hàng	01		186.584.773.069	221.209.173.271
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng (10=01-02)	10	18	186.584.773.069	221.209.173.271
4. Giá vốn hàng bán	11		153.210.623.689	178.872.616.281
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng (20=10-11)	20		33.374.149.380	42.336.556.990
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	20	217.055.952	609.689.421
7. Chi phí tài chính	22	21	4.662.912.875	5.951.934.021
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		5.671.349.607	5.914.821.776
8. Chi phí bán hàng	24		3.569.364.003	3.429.432.128
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		7.754.170.632	8.079.649.327
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(24+25))	30		17.604.757.822	25.485.230.935
11. Thu nhập khác	31	22	3.305.384.163	4.465.846.944
12. Chi phí khác	32	23	1.479.263.368	2.567.283.822
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		1.826.120.795	1.898.563.122
14. Lợi nhuận trước thuế (50=30+40)	50		19.430.878.617	27.383.794.057
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	24	4.110.995.262	6.977.368.337
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	15	801.618	29.752.520
17. Lợi nhuận sau thuế (60=50-51-52)	60		15.319.081.737	20.376.673.200
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	25	3.220	4.283

Phạm Thị Thành
 Người lập biểu kiêm Kế toán trưởng

Trần Anh Tiến
 Giám đốc
 Ngày 27 tháng 3 năm 2015

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI MINH PHÚC

Lô A34/I – A35/I Đường số 2D, KCN Vĩnh Lộc,

Phường Bình Hưng Hòa B, Quận Bình Tân

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Báo cáo tài chính**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014**MẪU SỐ B 03-DN**

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	2014	2013
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	19.430.878.617	27.383.794.057
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	10.472.118.876	10.716.207.037
Các khoản dự phòng	03	(1.327.735.908)	(215.999.597)
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	17.851.521	579.299
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(448.008.421)	(246.776.833)
Chi phí lãi vay	06	5.671.349.607	5.914.821.776
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	33.816.454.292	43.552.625.739
Thay đổi các khoản phải thu	09	(9.827.236.406)	(13.629.367.145)
Thay đổi hàng tồn kho	10	(7.771.224.272)	6.049.874.558
Thay đổi các khoản phải trả	11	6.142.810.195	(1.945.801.724)
Thay đổi chi phí trả trước	12	558.022.133	1.784.418.118
Tiền lãi vay đã trả	13	(5.627.919.555)	(5.871.391.724)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(5.731.038.593)	(8.173.584.884)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	(74.996.500)	7.250.000
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	117.372.385	(1.928.405.515)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	11.602.243.679	19.845.617.423
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi mua tài sản cố định	21	(79.613.538.169)	(5.712.348.900)
2. Tiền thu do thanh lý tài sản cố định hữu hình	22	280.661.818	1.454.545
3. Thu lãi tiền gửi, cổ tức được chia	27	167.346.603	245.322.288
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(79.165.529.748)	(5.465.572.067)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	176.307.453.319	114.877.718.707
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(110.669.781.621)	(102.323.364.265)
3. Tiền chi trả nợ thuế tài chính	35	(5.493.520.070)	(7.681.765.542)
4. Cổ tức đã trả cho cổ đông	36	(6.839.224.000)	(7.129.880.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	53.304.927.628	(2.257.291.100)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50	(14.258.358.441)	12.122.754.256
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	17.337.415.130	5.215.240.173
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá quy đổi ngoại tệ	61	2.536.404	(579.299)
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60+61)	70	3.081.593.093	17.337.415.130

Phạm Thị Thành
Người lập biểu kiêm Kế toán trưởng

Trần Anh Tiến
Giám đốc
Ngày 27 tháng 3 năm 2015

Các thuyết minh từ trang 7 đến trang 22 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI MINH PHÚC

A34/I – A35/I đường số 2A, KCN Vĩnh Lộc,
Phường Bình Hưng Hòa B, Quận Bình Tân
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN CHUNG

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại Minh Phúc (gọi tắt là “Công ty”) được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103002815 ngày 28 tháng 10 năm 2004 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp, và các giấy phép điều chỉnh.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 249 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013: 269).

Hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty là in theo phương pháp ống đồng, in theo phương pháp offset, sản xuất các loại bao bì cao cấp, và cung cấp giấy các loại.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI ĐÃ BAN HÀNH NHƯNG CHƯA ÁP DỤNG

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC (“Thông tư 200”) hướng dẫn áp dụng chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Thông tư này sẽ có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2015. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Ban Giám đốc Công ty đang đánh giá mức độ ảnh hưởng của việc áp dụng Thông tư này đến các báo cáo tài chính trong tương lai của Công ty.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc niên độ kế toán cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI MINH PHÚC

Lô A34/I – A35/I Đường số 2D, KCN Vĩnh Lộc,

Phường Bình Hưng Hòa B, Quận Bình Tân

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản ký quỹ, và các khoản đầu tư tài chính dài hạn khác.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản vay và nợ, và các khoản nhận ký quỹ, ký cược.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền mặt và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Dự phòng nợ khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của công ty được trích lập cho hàng lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và khi giá ghi sổ của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Máy móc và thiết bị	3 - 14
Thiết bị văn phòng	3 - 5
Phương tiện vận tải	5 - 7
Tài sản khác	5

Thuê tài sản

Một khoản thuê được xem là thuê tài chính khi phần lớn các quyền lợi và rủi ro về quyền sở hữu tài sản được chuyển sang cho người đi thuê. Tất cả các khoản thuê khác được xem là thuê hoạt động.

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI MINH PHÚC

Lô A34/I – A35/I Đường số 2D, KCN Vĩnh Lộc,

Phường Bình Hưng Hòa B, Quận Bình Tân

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Công ty ghi nhận tài sản thuê tài chính là tài sản của Công ty theo giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản hoặc theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu, nếu giá trị này thấp hơn. Nợ phải trả bên cho thuê tương ứng được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán như một khoản nợ phải trả về thuê tài chính. Các khoản thanh toán tiền thuê được chia thành chi phí tài chính và khoản phải trả nợ gốc nhằm đảm bảo tỷ lệ lãi suất định kỳ cố định trên số dư nợ còn lại. Chi phí thuê tài chính được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê tài sản. Các khoản tiền nhận được hoặc phải thu nhằm tạo điều kiện ký kết hợp đồng thuê hoạt động cũng được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Các tài sản đi thuê tài chính được khấu hao trên thời gian hữu dụng ước tính tương tự như áp dụng với tài sản thuộc sở hữu của Công ty hoặc trên thời gian đi thuê, trong trường hợp thời gian này ngắn hơn, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà xưởng	25
Máy móc, thiết bị	7

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Đầu tư tài chính dài hạn

Đầu tư tài chính dài hạn là khoản đầu tư vào đơn vị khác mà công ty chỉ nắm giữ dưới 20% vốn chủ sở hữu và được hạch toán theo giá trị vốn bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến khoản đầu tư. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản đầu tư được xác định theo nguyên giá trừ các khoản giảm giá đầu tư.

Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn được trích lập theo các qui định kế toán hiện hành.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI MINH PHÚC

Lô A34/I – A35/I Đường số 2D, KCN Vĩnh Lộc,

Phường Bình Hưng Hòa B, Quận Bình Tân

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Ngoại tệ

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái” và Thông tư số 179/2012/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2012 của Bộ Tài chính quy định về ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong doanh nghiệp. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho cổ đông.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải trả và thuế thu nhập hoãn lại của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI MINH PHÚC

Lô A34/I – A35/I Đường số 2D, KCN Vĩnh Lộc,

Phường Bình Hưng Hòa B, Quận Bình Tân

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***5. TIỀN**

	31/12/2014	31/12/2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tiền mặt	215.853.459	25.562.392
Tiền gửi ngân hàng	2.865.739.634	17.311.852.738
	<u>3.081.593.093</u>	<u>17.337.415.130</u>

6. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2014	31/12/2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Hàng mua đang đi đường	3.112.698.276	3.320.007.922
Nguyên liệu, vật liệu	35.520.431.286	31.904.647.845
Công cụ, dụng cụ	759.354.537	645.501.941
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	4.188.246.261	4.433.581.069
Thành phẩm	13.310.121.751	8.815.889.062
	<u>56.890.852.111</u>	<u>49.119.627.839</u>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(563.370.412)	(567.014.132)
	<u>56.327.481.699</u>	<u>48.552.613.707</u>

7. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Máy móc thiết bị <u>VND</u>	Phương tiện vận tải <u>VND</u>	Thiết bị văn phòng <u>VND</u>	Tài sản khác <u>VND</u>	Tổng cộng <u>VND</u>
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 01/01/2014	87.404.626.847	5.307.089.122	323.160.889	1.602.463.217	94.637.340.075
Tăng trong năm	19.744.695.013	-	-	-	19.744.695.013
Xây dựng cơ bản hoàn thành	168.471.507	-	-	-	168.471.507
Chuyển từ tài sản cố định thuê tài chính	2.999.494.096	-	-	-	2.999.494.096
Phân loại lại	214.881.004	-	(592.000)	(214.289.004)	-
Thanh lý	(1.370.238.984)	-	-	-	(1.370.238.984)
Tại ngày 31/12/2014	<u>109.161.929.483</u>	<u>5.307.089.122</u>	<u>322.568.889</u>	<u>1.388.174.213</u>	<u>116.179.761.707</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại ngày 01/01/2014	52.549.494.446	2.268.320.579	179.209.750	1.469.589.008	56.466.613.783
Khấu hao trong năm	6.634.347.803	683.874.072	86.799.144	94.874.205	7.499.895.224
Chuyển từ tài sản cố định thuê tài chính	1.583.834.246	-	-	-	1.583.834.246
Phân loại lại	200.361.867	-	(24.072.867)	(176.289.000)	-
Thanh lý	(1.370.238.984)	-	-	-	(1.370.238.984)
Tại ngày 31/12/2014	<u>59.597.799.378</u>	<u>2.952.194.651</u>	<u>241.936.027</u>	<u>1.388.174.213</u>	<u>64.180.104.269</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 31/12/2014	<u>49.564.130.105</u>	<u>2.354.894.471</u>	<u>80.632.862</u>	<u>-</u>	<u>51.999.657.438</u>
Tại ngày 31/12/2013	<u>34.855.132.401</u>	<u>3.038.768.543</u>	<u>143.951.139</u>	<u>132.874.209</u>	<u>38.170.726.292</u>

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 bao gồm một số tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn được sử dụng với giá trị là 32.873.370.823 đồng (năm 2013: 26.317.987.647 đồng).

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI MINH PHÚC

Lô A34/I – A35/I Đường số 2D, KCN Vĩnh Lộc,

Phường Bình Hưng Hòa B, Quận Bình Tân

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***8. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH**

	Nhà xưởng VND	Máy móc, thiết bị VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 01/01/2014	13.940.318.700	18.901.939.026	32.842.257.726
Phân loại sang tài sản cố định hữu hình	-	(2.999.494.096)	(2.999.494.096)
Tại ngày 31/12/2014	<u>13.940.318.700</u>	<u>15.902.444.930</u>	<u>29.842.763.630</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại ngày 01/01/2014	4.879.111.545	4.361.611.894	9.240.723.439
Khấu hao trong năm	557.612.748	2.414.610.904	2.972.223.652
Phân loại sang tài sản cố định hữu hình	-	(1.583.834.246)	(1.583.834.246)
Tại ngày 31/12/2014	<u>5.436.724.293</u>	<u>5.192.388.552</u>	<u>10.629.112.845</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 31/12/2014	<u>8.503.594.407</u>	<u>10.710.056.378</u>	<u>19.213.650.785</u>
Tại ngày 31/12/2013	<u>9.061.207.155</u>	<u>14.540.327.132</u>	<u>23.601.534.287</u>

9. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**Error! Not a valid link.**

Trong năm, Công ty đã vốn hóa chi phí lãi vay với số tiền là 2.814.923.745 đồng (2013: 0 đồng) vào giá trị công trình xây dựng cơ bản dở dang.

10. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Cổ phần Công ty Cổ phần bao bì Bia Sài Gòn	1.378.061.520	1.378.061.520
Cổ phần Công ty Cổ phần bao bì Sabeco - Sông Lam	1.000.000.000	1.000.000.000
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	(307.323.744)	(1.378.061.520)
	<u>2.070.737.776</u>	<u>1.000.000.000</u>

Khoản đầu tư vào của Công ty Cổ phần Bao bì Bia Sài Gòn thể hiện giá mua 72.000 cổ phần phổ thông có mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần. Số dư khoản dự phòng giảm giá đã trích lập cho khoản đầu tư này tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 307.323.744 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013: 1.378.061.520 đồng).

Đây là khoản góp vốn vào Công ty Cổ phần bao bì Sabeco - Sông Lam chiếm 0,56% vốn điều lệ của công ty này. Trong năm 2014, Công ty đã nhận được cổ tức từ khoản đầu tư này với số tiền là 100.000.000 đồng (năm 2013: 50.000.000 đồng).

11. TÀI SẢN DÀI HẠN KHÁC

Tài sản dài hạn khác thể hiện khoản ký quỹ, ký cược dài hạn cho các hợp đồng thuê tài chính và thuê đất.

12. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI MINH PHÚC

Lô A34/I – A35/I Đường số 2D, KCN Vĩnh Lộc,

Phường Bình Hưng Hòa B, Quận Bình Tân

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Báo cáo tài chính**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

	31/12/2014	31/12/2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Vay ngắn hạn	59.255.037.964	44.533.856.266
Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh số 14)	-	5.477.526.395
Nợ thuê tài chính dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh số 14)	9.440.759.885	-
	<u>68.695.797.849</u>	<u>50.011.382.661</u>
Chi tiết các khoản vay ngắn hạn như sau:		
	31/12/2014	31/12/2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (Vietcombank)	8.117.146.739	10.330.000.000
Ngân hàng TNHH Một thành viên HSBC Việt Nam	-	4.900.000.000
Ngân hàng Xuất Nhập khẩu Việt Nam (Eximbank)	9.609.182.700	1.605.813.000
Ngân hàng TNHH Một thành viên ANZ Việt Nam	3.708.516.995	7.380.480.766
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (Vietinbank)	3.564.690.806	-
Ngân hàng Natixis	1.411.497.780	-
Ngân hàng TNHH CTBC	1.226.440.444	-
Các cá nhân khác	31.617.562.500	20.317.562.500
	<u>59.255.037.964</u>	<u>44.533.856.266</u>

Các khoản vay ngắn hạn từ Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (Vietcombank) dưới hình thức thư tín dụng với tổng hạn mức tín dụng là 15 tỷ đồng. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản cá nhân của ông Nguyễn Văn Dông, Giám đốc Công ty và bà Nguyễn Thảo Nguyên, vợ ông Nguyễn Văn Dông.

Khoản vay ngắn hạn từ Ngân hàng TMCP Xuất Nhập khẩu Việt Nam (Eximbank) với tổng hạn mức tín dụng 16,01 tỷ đồng. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản cá nhân của ông Trần Anh Tiến, Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty và bà Bùi Xuân Hạnh, vợ ông Trần Anh Tiến và hàng lưu kho và nguồn thu từ xuất nhập khẩu.

Các khoản vay ngắn hạn từ Ngân hàng TNHH Một Thành Viên ANZ Việt Nam với tổng hạn mức tín dụng là 1.000.000 đô la Mỹ. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp hàng hóa trong kho với trị giá 800.000 đô la Mỹ và hợp đồng thế chấp máy móc thiết bị với trị giá 980.000 đô la Mỹ.

Các khoản vay ngắn hạn từ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Tây Sài Gòn với tổng hạn mức tín dụng là 5 tỷ đồng. Khoản vay này không có tài sản đảm bảo.

Các khoản vay ngắn hạn từ Ngân hàng Natixis - Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh với tổng hạn mức tín dụng là 1.200.000 đô la Mỹ. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp hàng tồn kho và các khoản phải thu đi kèm quyền cùng lợi ích sở hữu liên quan với tổng giá trị 1.200.000 đô la Mỹ.

Các khoản vay ngắn hạn từ Ngân hàng TNHH CTBC - Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh với tổng hạn mức tín dụng là 800.000 đô la Mỹ. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp hàng tồn kho và các khoản phải thu đi kèm quyền cùng lợi ích sở hữu liên quan với tổng giá trị 800.000 đô la Mỹ.

Các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng trên đây chịu lãi suất từ 5,3% đến 6,6%/năm cho các khoản vay nhận nợ bằng đồng Việt Nam.

Các khoản vay ngắn hạn từ các cá nhân khác không có bảo đảm nhằm mục đích tài trợ cho vốn hoạt động kinh doanh của Công ty. Khoản thời gian thanh toán nợ gốc cho mỗi khoản vay là 12 tháng và chịu lãi suất 1%/tháng và lãi vay được thanh toán vào ngày cuối cùng của mỗi tháng.

13. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI MINH PHÚC

Lô A34/I – A35/I Đường số 2D, KCN Vĩnh Lộc,

Phường Bình Hưng Hòa B, Quận Bình Tân

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Error! Not a valid link.

14. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

Error! Not a valid link. Chi tiết các khoản vay dài hạn như sau:

Error! Not a valid link. Các hợp đồng vay dài hạn từ Ngân hàng Vietcombank được dùng cho mục đích tài trợ vốn đầu tư Dự án nhà máy tại Khu công nghiệp Vĩnh Lộc và mua sắm tài sản cố định là các máy in của Công ty. Các khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản cá nhân của ông Nguyễn Văn Dũng, Giám đốc Công ty và bà Nguyễn Thảo Nguyên, vợ ông Nguyễn Văn Dũng và các tài sản hình thành từ nguồn vốn vay.

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	31/12/2014	31/12/2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Trong vòng một năm	5.641.307.776	-
Trong năm thứ hai	6.918.553.335	-
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	19.236.628.889	-
Sau năm thứ năm	19.120.000.000	-
	<u>50.916.490.000</u>	<u>-</u>
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần nợ ngắn hạn)	(5.641.307.776)	-
Số phải trả sau 12 tháng	<u>45.275.182.224</u>	<u>-</u>

Chi tiết các khoản nợ dài hạn do thuê tài chính như sau:

Error! Not a valid link.

Các khoản nợ dài hạn do thuê tài chính được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	Các khoản		Giá trị hiện tại	
	tiền thuê tối thiểu	của các khoản	tiền thuê tối thiểu	tiền thuê tối thiểu
	31/12/2014	31/12/2013	31/12/2014	31/12/2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Trong vòng một năm	5.792.750.008	7.506.387.928	3.799.452.109	5.477.526.395
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	4.104.577.682	9.884.869.136	2.622.096.981	6.417.154.840
	<u>9.897.327.690</u>	<u>17.391.257.064</u>	<u>6.421.549.090</u>	<u>11.894.681.235</u>
Trừ: Các khoản phí tài chính trong tương lai	(3.475.778.600)	(5.496.575.829)	-	-
Giá trị hiện tại của các khoản thuê tài chính phải trả	<u>6.421.549.090</u>	<u>11.894.681.235</u>	<u>6.421.549.090</u>	<u>11.894.681.235</u>
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần nợ ngắn hạn - Thuyết minh số 12)			(3.799.452.109)	(5.477.526.395)
Số phải trả sau 12 tháng			<u>2.622.096.981</u>	<u>6.417.154.840</u>

15. THUẾ THU NHẬP HOÃN LẠI

Dưới đây là thuế thu nhập hoãn lại phải trả và tài sản thuế thu nhập hoãn lại do Công ty ghi nhận và sự thay đổi của các khoản mục này trong năm và năm trước:

	Tài sản cố định thuê tài chính	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	Tổng
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tại ngày 01/01/2013	(340.690.023)	195.378.432	(145.311.591)
Ghi vào kết quả kinh doanh	40.882.803	(70.635.323)	(29.752.520)
Tại ngày 31/12/2013	<u>(299.807.220)</u>	<u>124.743.109</u>	<u>(175.064.111)</u>
Ghi vào kết quả kinh doanh	-	(801.618)	(801.618)
Tại ngày 31/12/2014	<u>(299.807.220)</u>	<u>123.941.491</u>	<u>(175.865.729)</u>

16. VỐN CỔ ĐÔNG

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI MINH PHÚC

Lô A34/I – A35/I Đường số 2D, KCN Vĩnh Lộc,

Phường Bình Hưng Hòa B, Quận Bình Tân

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Thay đổi trong vốn cổ đông

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư, phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân VND	Tổng VND
Số dư tại 01/01/2013	47.577.700.000	58.742.388	3.727.071.650	3.727.071.650	26.061.017.912	81.151.603.600
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	20.376.673.200	20.376.673.200
Công bố chia cổ tức	-	-	-	-	(6.660.878.000)	(6.660.878.000)
Trích lập quỹ	-	-	1.020.321.286	1.020.321.286	(3.900.649.002)	(1.860.006.430)
Số dư tại 31/12/2013	47.577.700.000	58.742.388	4.747.392.936	4.747.392.936	35.876.164.110	93.007.392.370
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	15.319.081.737	15.319.081.737
Công bố chia cổ tức	-	-	-	-	(6.660.878.000)	(6.660.878.000)
Trích lập quỹ	-	-	764.466.461	764.466.461	(4.666.103.945)	(3.137.171.023)
Số dư tại 31/12/2014	47.577.700.000	58.742.388	5.511.859.397	5.511.859.397	39.868.263.902	98.528.425.084

Theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông ngày 19 tháng 4 năm 2014, Công ty đã công bố chia cổ tức bổ sung của năm 2013 là 14%/mệnh giá cổ phần với số tiền là 6.660.878.000 đồng.

Công ty đã trích quỹ đầu tư phát triển, quỹ dự phòng tài chính, quỹ khen thưởng và phúc lợi theo Điều lệ của Công ty từ lợi nhuận sau thuế của năm 2014 theo tỷ lệ 5% cho mỗi quỹ. Ngoài ra, Công ty đã trích thưởng Ban Điều Hành công ty khi lợi nhuận sau thuế thực hiện vượt so với lợi nhuận kế hoạch, với mức trích là 1.598.262.850 đồng.

Theo Giấy Chứng nhận đăng ký Kinh doanh điều chỉnh ngày 11 tháng 2 năm 2010, vốn điều lệ của Công ty là 47.577.700.000 đồng. Mệnh giá cổ phần và số cổ phần của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và 31 tháng 12 năm 2013 như sau:

	31/12/2014	31/12/2013
Số lượng cổ phần được phép phát hành	47.577.700	47.577.700
Số lượng cổ phần đã được phát hành và góp vốn đầy đủ	47.577.700	47.577.700
Mệnh giá cổ phần (đồng)	10.000	10.000

Công ty chỉ có một loại cổ phần thường không hưởng cổ tức cố định. Cổ đông sở hữu cổ phần thường được nhận cổ tức khi được công bố và có quyền biểu quyết theo tỉ lệ một quyền biểu quyết cho mỗi cổ phần sở hữu tại các cuộc họp cổ đông của Tổng Công ty. Tất cả các cổ phần đều có quyền thừa hưởng như nhau đối với giá trị tài sản thuần của Công ty.

Vốn điều lệ của Công ty đã được các cổ đông góp đủ tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và 31 tháng 12 năm 2013 như sau:

	Theo GCN ĐKKD	31/12/2014		31/12/2013	
		VND	%	VND	%
Ông Trần Anh Tiến	9.926.000.000	11.505.900.000	24,18%	11.472.900.000	24,11%
Ông Nguyễn Văn Dòng	-	400.000.000	0,84%	400.000.000	0,84%
Ông Nguyễn Văn Hùng	6.574.000.000	-	0,00%	-	0,00%
Bà Trần Thị Phương Tân	-	5.350.000.000	11,24%	5.350.000.000	11,24%
Ông Tăng Văn Liêm	500.000.000	637.100.000	1,34%	537.100.000	1,13%
Ông Lưu Ích Sáng	-	1.750.000	0,00%	1.750.000	0,00%
Ông Nguyễn Thành Hiếu	-	1.600.000	0,00%	1.600.000	0,00%
Ông Hồ Vĩnh Vân	-	1.050.000.000	2,21%	1.050.000.000	2,21%
Ông Nguyễn Thái Bình	-	14.601.300.000	30,69%	14.601.300.000	30,69%
Các cổ đông khác	30.577.700.000	14.030.050.000	29,49%	14.163.050.000	29,77%
	47.577.700.000	47.577.700.000	100%	47.577.700.000	100%

17. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ**Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh**

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI MINH PHÚC

Lô A34/I – A35/I Đường số 2D, KCN Vĩnh Lộc,

Phường Bình Hưng Hòa B, Quận Bình Tân

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Báo cáo tài chính**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

Lĩnh vực kinh doanh của doanh nghiệp là in (offset, ống đồng giấy, ống đồng nhôm, bao thư) chiếm 95,17% tổng doanh thu, các lĩnh vực kinh doanh khác bao gồm bán hàng hóa chiếm 4,82% và cung cấp dịch vụ chiếm 0,01%, do đó doanh nghiệp không trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh.

Bộ phận theo khu vực địa lý

Doanh thu bán hàng của doanh nghiệp trong nước Việt Nam chiếm 99,37%, doanh thu bán hàng xuất khẩu chiếm 0,63%, do đó doanh nghiệp không trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

18. DOANH THU THUẬN VỀ BÁN HÀNG

Error! Not a valid link.

19. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	2014	2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	116.422.929.204	137.485.444.863
Chi phí nhân công	24.996.189.384	23.562.012.140
Chi phí khấu hao tài sản cố định	9.925.311.048	10.158.594.289
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.569.127.712	8.665.767.701
Chi phí khác	6.620.600.976	10.509.878.743
	<u>164.534.158.324</u>	<u>190.381.697.736</u>

20. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	2014	2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Lãi tiền gửi	67.346.603	195.322.288
Cổ tức được chia từ khoản đầu tư dài hạn	100.000.000	50.000.000
Chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	579.299
Chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	49.709.349	363.787.834
	<u>217.055.952</u>	<u>609.689.421</u>

21. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	2014	2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Chi phí lãi vay	5.671.349.607	5.914.821.776
Chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	17.851.521	-
Chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	12.448.332	37.112.245
Hoàn nhập dự phòng đầu tư tài chính	(1.070.737.776)	-
Khác	32.001.191	-
	<u>4.662.912.875</u>	<u>5.951.934.021</u>

22. THU NHẬP KHÁC

Error! Not a valid link.

23. CHI PHÍ KHÁC

	2014	2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Chi phí khấu hao tài sản cho thuê	557.612.748	557.612.748
Khác	921.650.620	2.009.671.074
	<u>1.479.263.368</u>	<u>2.567.283.822</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI MINH PHÚC

Lô A34/I – A35/I Đường số 2D, KCN Vĩnh Lộc,

Phường Bình Hưng Hòa B, Quận Bình Tân

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Báo cáo tài chính**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***24. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	2014	2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Lợi nhuận trước thuế	19.430.878.617	27.383.794.057
Cộng: các khoản chi phí không được khấu trừ	426.201.261	577.179.289
Trừ: các khoản thu nhập không chịu thuế	<u>(1.170.737.776)</u>	<u>(51.500.000)</u>
Thu nhập chịu thuế	18.686.342.102	27.909.473.346
Thuế suất	22%	25%
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	<u>4.110.995.262</u>	<u>6.977.368.337</u>

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 22% (năm 2013: 25%) trên thu nhập chịu thuế.

25. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	2014	2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Lợi nhuận sau thuế	15.319.081.737	20.376.673.200
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	15.319.081.737	20.376.673.200
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông	<u>4.757.770</u>	<u>4.757.770</u>
Lãi trên cổ phiếu	<u>3.220</u>	<u>4.283</u>

Trong năm và đến ngày lập báo cáo này, không có sự kiện nào khác dẫn đến khả năng pha loãng cổ phiếu của Công ty.

26. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

	2014	2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Chi phí thuê hoạt động tối thiểu đã ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm	<u>4.532.954.671</u>	<u>4.424.923.884</u>

Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Công ty có các khoản cam kết thuê hoạt động không hủy ngang với lịch thanh toán như sau:

	31/12/2014	31/12/2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Trong vòng một năm	-	2.272.617.600
	<u>-</u>	<u>2.272.617.600</u>

27. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ. Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 13 và 15 trừ

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI MINH PHÚC

Lô A34/I – A35/I Đường số 2D, KCN Vĩnh Lộc,

Phường Bình Hưng Hòa B, Quận Bình Tân

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

đi tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông (bao gồm vốn cổ phần, thặng dư vốn cổ phần, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	31/12/2014	31/12/2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Các khoản vay	116.593.077.054	50.011.382.661
Trừ: Tiền	(3.081.593.093)	(17.377.415.130)
Nợ thuần	<u>113.511.483.961</u>	<u>32.633.967.531</u>
Vốn chủ sở hữu	<u>98.528.425.084</u>	<u>93.007.392.370</u>
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	<u>1,15</u>	<u>0,35</u>

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 4.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2014	31/12/2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tài sản tài chính		
Tiền	3.081.593.093	17.337.415.130
Phải thu khách hàng và phải thu khác	17.003.952.127	25.223.608.519
Đầu tư dài hạn khác	2.070.737.776	1.000.000.000
Các khoản ký quỹ, ký cược	2.675.779.600	2.976.517.200
Tổng cộng	<u>24.832.062.596</u>	<u>46.537.540.849</u>
Công nợ tài chính		
Phải trả người bán và phải trả khác	17.494.356.417	8.996.764.510
Các khoản vay và nợ	116.593.077.054	56.428.537.501
Các khoản nhận ký quỹ, ký cược	417.690.000	417.690.000
Chi phí phải trả	257.363.037	276.324.900
Tổng cộng	<u>134.762.486.508</u>	<u>66.119.316.911</u>

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính đã ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI MINH PHÚC

Lô A34/I – A35/I Đường số 2D, KCN Vĩnh Lộc,

Phường Bình Hưng Hòa B, Quận Bình Tân

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo****Rủi ro thị trường***

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ bằng tiền có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối năm như sau:

	Tài sản		Công nợ	
	31/12/2014	31/12/2013	31/12/2014	31/12/2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Đô la Mỹ (USD)	658.976.134	2.262.215.767	4.422.943.535	2.770.621.932

Phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ

Công ty chủ yếu chịu ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá của đồng Đô la Mỹ.

Tỷ lệ thay đổi 5% được Ban Giám đốc sử dụng khi phân tích rủi ro tỷ giá và thể hiện đánh giá của Ban Giám đốc về mức thay đổi có thể có của tỷ giá. Phân tích độ nhạy với ngoại tệ chỉ áp dụng cho các số dư của các khoản mục tiền tệ bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối kỳ và điều chỉnh việc đánh giá lại các khoản mục này khi có 5% thay đổi của tỷ giá. Nếu tỷ giá đồng đô la Mỹ thay đổi tăng/giảm 5% so với Đồng Việt Nam thì lợi nhuận trước thuế trong năm của Công ty sẽ giảm/tăng một khoản tương ứng là 213.618.678 đồng (năm 2013: 25.420.308 đồng).

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Công ty chịu rủi ro lãi suất khi Công ty vay vốn theo lãi suất thả nổi. Rủi ro này sẽ do Công ty quản trị bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay lãi suất thả nổi.

Độ nhạy của lãi suất

Độ nhạy của các khoản vay đối với sự thay đổi lãi suất có thể xảy ra ở mức độ hợp lý trong lãi suất. Với giả định là các biến số khác không thay đổi, nếu lãi suất của các khoản vay với lãi suất thả nổi tăng/giảm 200 điểm cơ bản thì lợi nhuận trước thuế của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 sẽ giảm/tăng một khoản là 147.471.933 đồng (năm 2013: 92.514.590 đồng)

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI MINH PHÚC

Lô A34/I – A35/I Đường số 2D, KCN Vĩnh Lộc,

Phường Bình Hưng Hòa B, Quận Bình Tân

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng dưới đây được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

31/12/2014	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Tổng cộng VND
Tiền	3.081.593.093	-	3.081.593.093
Phải thu khách hàng và phải thu khác	17.003.952.127	-	17.003.952.127
Đầu tư dài hạn khác	-	2.070.737.776	2.070.737.776
Các khoản ký quỹ, ký cược	50.000.000	2.625.779.600	2.675.779.600
Tổng cộng	20.135.545.220	4.696.517.376	24.832.062.596
Phải trả người bán và phải trả khác	17.494.356.417	-	17.494.356.417
Các khoản vay và nợ	68.695.797.849	47.897.279.205	116.593.077.054
Các khoản nhận ký quỹ, ký cược	-	417.690.000	417.690.000
Chi phí phải trả	257.363.037	-	257.363.037
Tổng cộng	86.447.517.303	48.314.969.205	134.762.486.508
Chênh lệch thanh khoản thuần	(66.311.972.083)	(43.618.451.829)	(109.930.423.912)
31/12/2013	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Tổng cộng VND
Tiền	17.337.415.130	-	17.337.415.130
Phải thu khách hàng và phải thu khác	25.223.608.519	-	25.223.608.519
Đầu tư dài hạn khác	-	1.000.000.000	1.000.000.000
Các khoản ký quỹ, ký cược	59.447.600	2.917.069.600	2.976.517.200
Tổng cộng	42.620.471.249	3.917.069.600	46.537.540.849
Phải trả người bán và phải trả khác	8.996.764.510	-	8.996.764.510
Các khoản vay và nợ	50.011.382.661	6.417.154.840	56.428.537.501
Các khoản nhận ký quỹ, ký cược	-	417.690.000	417.690.000
Chi phí phải trả	276.324.900	-	276.324.900
Tổng cộng	59.284.472.071	6.834.844.840	66.119.316.911
Chênh lệch thanh khoản thuần	(16.664.000.822)	(2.917.775.240)	(19.581.776.062)

Ban Giám đốc đánh giá rủi ro thanh khoản ở mức trung bình. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

28. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch sau với các bên liên quan:

	2014 VND	2013 VND
Thu nhập Ban Giám đốc	1.868.872.741	2.204.026.350

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI MINH PHÚC

Lô A34/I – A35/I Đường số 2D, KCN Vĩnh Lộc

Phường Bình Hưng Hòa B, Quận Bình Tân

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

29. MỘT SỐ CHỈ SỐ TÀI CHÍNH

	Đơn vị tính	31/12/2014	31/12/2013
Cơ cấu tài sản và cơ cấu nguồn vốn			
Cơ cấu tài sản			
Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	%	39,95	55,56
Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	%	60,05	44,44
Cơ cấu nguồn vốn			
Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	58,88	44,18
Vốn cổ đông/Tổng nguồn vốn	%	41,12	55,82
Vốn điều lệ/Tổng nguồn vốn	%	19,85	28,56
Khả năng thanh toán			
Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn	Lần	1,03	1,39
Khả năng thanh toán nhanh	Lần	0,41	0,64
Tỷ suất sinh lời			
Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/Doanh thu thuần	%	10,41	12,38
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	8,21	9,21
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Vốn cổ đông	%	15,55	21,91

30. PHÊ DUYỆT PHÁT HÀNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được Hội đồng Quản trị Công ty phê duyệt để phát hành vào ngày 27 tháng 3 năm 2015.



Phạm Thị Thành
Người lập biểu và Kế toán trưởng



Trần Anh Tiến
Giám đốc

Ngày 27 tháng 3 năm 2015